

Bản án số: 496/2024/DS-PT

Ngày: 27-9-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Văn Cường.

*Các Thẩm phán:*

- Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.
- Ông Hà Chí Quốc.

**Thư ký phiên tòa:** ông Đặng Minh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** bà **Đặng Thị Châu** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 317/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2024/DS-ST, ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 394/2024/QĐ-PT, ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Lý L, sinh năm 1960; trú tại: Tổ E, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Lý L: Luật sư Bùi Quốc T và Luật sư Nguyễn Văn L1 thuộc Văn phòng L2 – Đoàn Luật sư Thành phố H, địa chỉ: A đường N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Bị đơn: Công ty cổ phần T5; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

**Người đại diện theo pháp luật:** Bà Đặng Huỳnh Ưc M, sinh năm 1981 - chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Huỳnh Ưc M:** Bà Nguyễn Thị

Thủy T1, sinh năm 1973; chức vụ: Giám đốc Nhà máy T6 – Công ty cổ phần T5 (theo văn bản ủy quyền số 18/2023/GUQ-TTCBH ngày 20/12/2023) (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thủy T1:* anh Phạm Văn T2, sinh năm: 1985; khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh và anh Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1992; địa chỉ: khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (Theo văn bản ủy quyền ngày 22-8-2024) (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Hồng H, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ E, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Hồng H: Luật sư Bùi Quốc T và Luật sư Nguyễn Văn L1 thuộc Văn phòng L2 – Đoàn Luật sư Thành phố H, địa chỉ: A đường N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- *Người kháng cáo:*

+ Ông Nguyễn Lý L – là nguyên đơn.

+ Bà Lê Hồng H - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2023, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Lý L trình bày:*

Ngày 24/12/2015, ông Nguyễn Lý L có ký hợp đồng thu mua mía số 2016 DT 0628 với Công ty cổ phần T5 (sau đây gọi là Công ty T7). Thời hạn hợp đồng là 03 năm (tương đương 03 vụ mía): 2017-2018, 2018-2019 và 2019 – 2020. Tại Điều 7.1 của hợp đồng ghi rất chi tiết: giá mua Công ty cam kết 01 tấn mía mua tại ruộng 10 CCS không thấp hơn 900.000 đồng/1 tấn. Tại Điều 9.2 tỉ lệ tạp chất được chấp nhận không vượt quá 3%, nếu tạp chất vượt quá 3% thì sẽ bị trừ phần vượt vào trọng lượng mía. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty chỉ mua đúng giá mía như cam kết cho ông L vụ 2017-2018 và tạp chất 3% miễn trừ.

Thực tế khi thực hiện hợp đồng, Công ty T7 chỉ mua đúng giá mía như cam kết đã ký được 02 vụ (2016 - 2017; 2017- 2018) và tạp chất là 3% được miễn trừ. Vụ 2018 - 2019 và vụ 2019 -2020, Công ty T7 tự ý giảm giá mua mía xuống còn 700.000 đồng/01 tấn cho 10 CCS và tạp chất trừ 100%, không miễn 3% như hợp đồng đã ký ngày 24/12/2015.

Công ty T7 không thực hiện như hợp đồng đã ký, việc làm này Công ty T7 đã vi phạm hợp đồng. Việc vi phạm hợp đồng không thực hiện hiệp thương giá đã gây thiệt hại rất lớn cho ông như sau:

**1. Số tiền thiệt hại do Công ty T7 giảm giá mía vụ 2018-2019 của ông L là:**  
**3816.02 tấn mía x 200.000 đồng/tấn = 763.204.000 đồng.**



Và tạp chất bị trừ là 3%:  $3816.02 \text{ tấn mía} \times 3\% = 114.480,6 \times 900.000 \text{ đồng/tấn} = 103.032.540 \text{ đồng}$ .

Số tiền thiệt vụ 2018-2019 là  $763.204.000 \text{ đồng} + 103.032.540 \text{ đồng} = 866.236.540 \text{ đồng}$ .

**2. Số tiền thiệt hại do Công ty T7 giảm giá mía vụ 2019-2020 của ông L là (Công ty T7 tự ý giảm giá mía mua vào còn 750.000 đồng/1 tấn):**

$1905.74 \text{ tấn mía} \times 150.000 \text{ đồng/tấn} = 285.861.000 \text{ đồng}$ .

Và tạp chất bị trừ là 3%:  $57.1722 \text{ tấn mía} \times 900.000 \text{ đồng/tấn} = 51.454.980 \text{ đồng}$ .

Số tiền thiệt vụ 2019-2020 là  $285.861.000 \text{ đồng} + 51.454.980 \text{ đồng} = 337.315.980 \text{ đồng}$ .

3. Số tiền thiệt hại của 02 vụ (2018-2019 và 2019-2020) là  $866.236.540 \text{ đồng} + 337.315.980 \text{ đồng} = 1.203.552.520 \text{ đồng}$ .

**4. Số tiền phạt vi phạm hợp đồng:  $1.203.552.520 \text{ đồng} \times 8\% = 96.284.202 \text{ đồng}$ .**

5. Tiền lãi tạm tính từ tháng 4/2019 đến tháng 10/2023 là 53 tháng:  $866.236.540 \text{ đồng} \times 0.83\%/tháng \times 53 \text{ tháng} = 367.284.293 \text{ đồng}$ .

6. Tiền lãi tạm tính từ tháng 4/2020 đến tháng 11/2022 là 41 tháng:  $337.315.980 \text{ đồng} \times 0.83\%/tháng \times 41 = 110.639.641 \text{ đồng}$ .

**Tổng số tiền thiệt hại và lãi phát sinh (tạm tính) từ lỗi của Công ty T7 là:**

$1.203.552.520 \text{ đồng} + 96.284.202 \text{ đồng} + 367.284.293 \text{ đồng} + 110.639.641 \text{ đồng} = 1.777.760.655 \text{ đồng}$ .

Số tiền thiệt hại do Công ty T7 gây ra đến thời điểm hiện tại cả gốc và lãi là 1.777.760.655 đồng và yêu cầu toà án tính lãi suất 1%/tháng của số tiền 1.777.760.655 đồng từ khi khởi kiện đến khi kết thúc vụ kiện.

Căn cứ để ông L khởi kiện Công ty T7 là các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản đối chiếu công nợ ngày 19/7/2017, ngày 24/7/2018, ngày 22/7/2019 và ngày 14/8/2020 (bản sao); 01 Bảng Chi tiết phiếu cân mía đề ngày 15/02/2019, 01 Bảng Chi tiết phiếu cân mía không đề ngày, 01 Bảng chi tiết chi phí thuê xe không đề ngày, 01 Bảng kê chi tiết công đồn (công thu hoạch mía) không đề ngày, 01 Bảng kê vận chuyển (chi phí vận chuyển) không đề ngày, 01 Bảng theo dõi thu hoạch vụ 18/19 không đề ngày (tất cả đều là bản pho to) và Hợp đồng thu mua mía số 2016DT0628 ngày 24/12/2015 (bản pho to).

Ông L yêu cầu Công ty T7 cung cấp 03 bản hợp đồng thu mua mía giữa ông L với Công ty T7, cụ thể: Vụ 2017-2018, 2018-2019 và 2019-2020, trong 03 năm trên ông L có bản đối chiếu công nợ số lượng mía giao thành tiền.

Ông L không có chứng cứ gì khác để cung cấp cho Tòa án và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ gì khác, ngoài ra, ông L không có yêu

cầu gì khác

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Võ Thị Tuyết O tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:*

Trước đây là Công ty cổ phần M1, đến ngày 29/11/2017 đăng ký đổi tên thành Công ty cổ phần T5 (gọi tắt là Công ty T7). Ông L và Công ty T7 đã ký kết Hợp đồng số: HĐ2016DT0628 ngày 24/12/2015. Cụ thể, tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng số HĐ2016DT0628 quy định rằng, sau mỗi niên vụ, tùy tình hình công nợ của Bên B, chính sách của Công ty T7, Công ty T7 quyết định việc ký tiếp phụ lục hợp đồng cho niên vụ tiếp theo.

Vì mía là loại cây trồng đặc thù có lưu gốc và thường chu kỳ sẽ là 03 (ba) vụ (vụ đầu tiên được gọi là vụ mía tơ, vụ kế tiếp vụ mía tơ là vụ mía gốc 1, vụ kế tiếp vụ mía gốc 1 là vụ mía gốc 2 và tương tự cho cách gọi vụ mía gốc 3, gốc 4 (nếu có phát sinh trên thực tế)), đồng thời mỗi chủ mía khi ký hợp đồng với Công ty, thường có thể vừa có diện tích mía tơ, vừa có diện tích mía gốc, nên để thuận tiện khi xác lập, quản lý, thực hiện hợp đồng và hạn chế trường hợp trong cùng một vụ đối với cùng một chủ mía phải ký nhiều hợp đồng tương ứng với từng loại mía tơ, mía gốc, trên thực tế việc xác lập hợp đồng từ trước đến nay đều được thực hiện theo cách thức: Tại điều khoản phạm vi và thời hạn hợp đồng sẽ được đánh dấu stick (x) vào ô vuông để thể hiện nội dung phạm vi và thời hạn hợp đồng tương ứng của từng loại mía. Vào thời điểm kết thúc mỗi vụ mía, các bên sẽ ký tiếp phụ lục cho vụ mía kế tiếp. Như vậy sau vụ thu hoạch 2016-2017, Công ty T7 và ông L sẽ phải ký kết phụ lục Hợp đồng của Hợp đồng số HĐ2016DT0628 (vụ 2016-2017) cho các vụ mía gốc 1 (vụ 2017-2018), gốc 2 (vụ 2018-2019) để ghi nhận các nội dung về nhận tiền tạm ứng, thu mua mía tương ứng với từng niên vụ.

Giá thu mua mía của vụ 2018-2019 được quy định tại Hợp đồng, phụ lục Hợp đồng và theo Chính sách thu mua đầu tư – vụ thu hoạch 2018-2019 ban hành kèm theo Thông báo số 01/TM của Công ty T7 ngày 30/11/2018 và được điều chỉnh theo Thông báo số 08/TM18-19 ngày 27/3/2019 về việc điều chỉnh chính sách thu mua vụ thu hoạch 2018-2019.

Căn cứ quy định của Hợp đồng số HĐ2016DT0628 và các phụ lục hợp đồng của các hợp đồng này tương ứng vụ thu hoạch 2017-2018 và vụ thu hoạch 2018-2019; chính sách thu mua mía vụ thu hoạch 2018-2019; và thực tế thực hiện thu mua của Công ty C khẳng định rằng Công ty T7 đã thực hiện thu mua mía theo đúng thỏa thuận giữa các bên trong các hợp đồng, phụ lục hợp đồng đã ký. Vì vậy, việc ông L cho rằng Công ty T7 vi phạm Hợp đồng số: HĐ2016DT0628 về



điều khoản giá thu mua mà hai bên cam kết là không có căn cứ. Do đó, Công ty T7 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Hồng H trình bày:*

Bà là vợ của ông Nguyễn Lý L, bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông L, bà không trình bày ý kiến gì bổ sung, do bận công việc nên bà đề nghị được giải quyết, xét xử trong vụ án này.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Lý L và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Hồng H là Luật sư Nguyễn Văn L1 và Luật sư Bùi Quốc T trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 7 và Điều 10 của Hợp đồng thu mua mía (về việc trồng và chăm sóc mía) số 2016DT0628 ngày 24/12/2015 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là **1.203.552.520 đồng (tiền thiệt hại 2 vụ mùa cộng lại) + 96.284.202 đồng (tiền phạt vi phạm hợp đồng là 8%) + 445.765.306 đồng (tiền lãi vụ mùa 2018-2019) + 139.986.100 đồng (tiền lãi vụ mùa 2019-2020) = 1.885.588.128 đồng.**

***Bản án sơ thẩm số 128/2024/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, quyết định:***

Điều 398, 418, 430, 440 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lý L về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” đối với Công ty Cổ phần T5 về việc yêu cầu trả số tiền 1.885.588.128 (một tỷ tám trăm tám mươi lăm triệu năm trăm tám mươi tám nghìn một trăm hai mươi tám) đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024 ông L và bà H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì:

1. Cấp sơ thẩm không cho Luật sư sao chụp hồ sơ vụ án.
2. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cho bà H làm đơn vắng mặt.
3. Chứng cứ ông L giao nộp bị Thẩm phán bác bỏ.
4. Không căn cứ vào các hợp đồng các năm 2018-2019; 2019-2020 để giải quyết mà áp dụng đơn giá của các hợp đồng này để giải quyết.
5. Không mời và đưa ông Hồ Thành B là người hùn vốn trồng mía với ông L để tham gia tố tụng.
6. Không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa do ông Luận đề N.
7. Hồ sơ Công ty cung cấp tại phiên tòa ông không được nghiên cứu.

8. Ông nộp các chứng cứ Toà án không xem xét. Hợp đồng năm 2015 giá 900.000 đồng/tấn mía.

9. Ông đã bán mía trên 80 ha, có nhiều hợp đồng phụ của các năm sau.

10. ký Hợp đồng năm 2015, không nói về giá...

Yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm số: 128/2024/DS-ST ngày 21/6/2024 của Toà án nhân dân huyện Tân Châu do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Lý L vẫn giữ nguyên kháng cáo nêu trên có bổ sung thêm các nội dung: Yêu cầu xem xét việc uỷ quyền của Công ty T7 uỷ quyền cho anh Phạm Văn T2 và anh Nguyễn Thanh T4 không rõ ràng cụ thể trong vụ án nào; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh T có Biên bản đối thoại số: 48/BB- SNN ngày 31/5/2022 cấp sơ thẩm không đưa tham gia tố tụng vi phạm tố tụng; thẩm quyền giải quyết sơ thẩm vụ án thuộc cấp tỉnh vì sản phẩm mía giao cho Công ty có từ hợp tác trồng trên đất Campuchia.

Về nội dung: cấp sơ thẩm nhận định, đánh giá chứng cứ không khách quan, phía bị đơn vi phạm về giá thu mua theo hợp đồng là 900.000 đồng/tấn mía theo hợp đồng gốc; Công ty không hiệp thương giá với nông dân có hợp đồng trồng mía, theo hợp đồng mâu bất lợi cho nông dân.

- Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- **Về tố tụng:** việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:** Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp kháng cáo của ông Nguyễn Lý L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] **Về tố tụng:** đơn kháng cáo của ông Nguyễn Lý L, bà Lê Hồng H làm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm phù hợp với quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.



**[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Lý L, bà Lê Hồng H, thấy rằng:**

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn xác định hai bên có ký hợp đồng thu mua mía về việc trồng và chăm sóc mía với Công ty T7 số HĐ2016DT0628 vào ngày 24/12/2015. Ông L khởi kiện cho rằng Công ty T7 vi phạm Điều 7 của hợp đồng số HĐ2016DT0628 vào ngày 24/12/2015 về giá thu mua mía bảo hiểm thấp nhất là 900.000 đồng/tấn mía có chữ đường 10 CCS, chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Tuy nhiên, trong vụ mùa 2018- 2019 phía Công ty T7 tự đưa ra giá thu mua mía 700.000 đồng/tấn có chữ đường 10CCS thấp hơn giá ban đầu ký hợp đồng là 200.000 đồng/tấn và trong vụ thu hoạch năm 2018 – 2019 ông L bán cho Công ty tổng cộng 3816,02 tấn nên đã thiệt hại số tiền 866.236.540 đồng. Trong vụ mùa 2019-2020 phía Công ty T7 tự đưa ra giá thu mua mía 750.000 đồng/tấn có chữ đường 10CCS thấp hơn giá ban đầu ký hợp đồng là 150.000 đồng/tấn và trong vụ thu hoạch năm 2019 – 2020 ông L bán cho Công ty tổng cộng 1905,74 tấn nên đã gây thiệt hại số tiền 337.315.980 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L yêu cầu Công ty bồi thường cho ông số tiền bán mía, tiền gốc và lãi tổng cộng là 1.885.588.128 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía Công ty cho rằng không vi phạm hợp đồng và không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông L.

Căn cứ khoản 3 Điều 15 của Hợp đồng số HD 2016DT0628, các bên có thỏa thuận về việc ký các phụ lục hợp đồng. Các thông báo về chính sách thu mua mía của các năm ông L ký chấp nhận. Vì vậy, ông L đã đồng ý với hợp đồng kí kết nên việc Công ty điều chỉnh giá phù hợp với từng thời điểm. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L thừa nhận đã biết được các thông báo giá thu mua mía hàng năm do Công ty B1; khi giao mía nhận phiếu có số trọng lượng mía, tạp chất và số tiền giá thu mua mía của mỗi tấn là bao nhiêu; ông L đã xác nhận công nợ hàng năm với Công ty. Do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ.

Qua xem xét cả quá trình thụ lý vụ án, cùng với việc thu thập chứng cứ của cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Luật sư yêu cầu đưa ông Hồ Thành B và Sở N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có cơ sở vì ông L tranh chấp giá của hợp đồng đầu tư và mua bán sản phẩm với Công ty T8 – BH không liên quan đến những người này, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án cấp huyện. Cấp sơ thẩm không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông L và bà H yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm.

Nhận định của kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Từ đó cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện nên kháng cáo của ông Nguyễn Lý L, bà Lê Hồng H là không có cơ sở. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: ông Nguyễn Lý L, bà Lê Hồng H thuộc diện người trên 60 tuổi nên được miễn án phí theo quy định

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Lý L, bà Lê Hồng H;
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2023/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ vào các Điều 398, 418, 430, 440 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lý L về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” đối với Công ty Cổ phần T5 về việc yêu cầu trả số tiền 1.885.588.128 (một tỷ tám trăm tám mươi lăm triệu năm trăm tám mươi tám nghìn một trăm hai mươi tám) đồng.

#### 2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Lý L phải chịu nhưng được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định.
- Công ty Cổ phần T5 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Lê Hồng H được miễn án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Văn Cường**



